

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

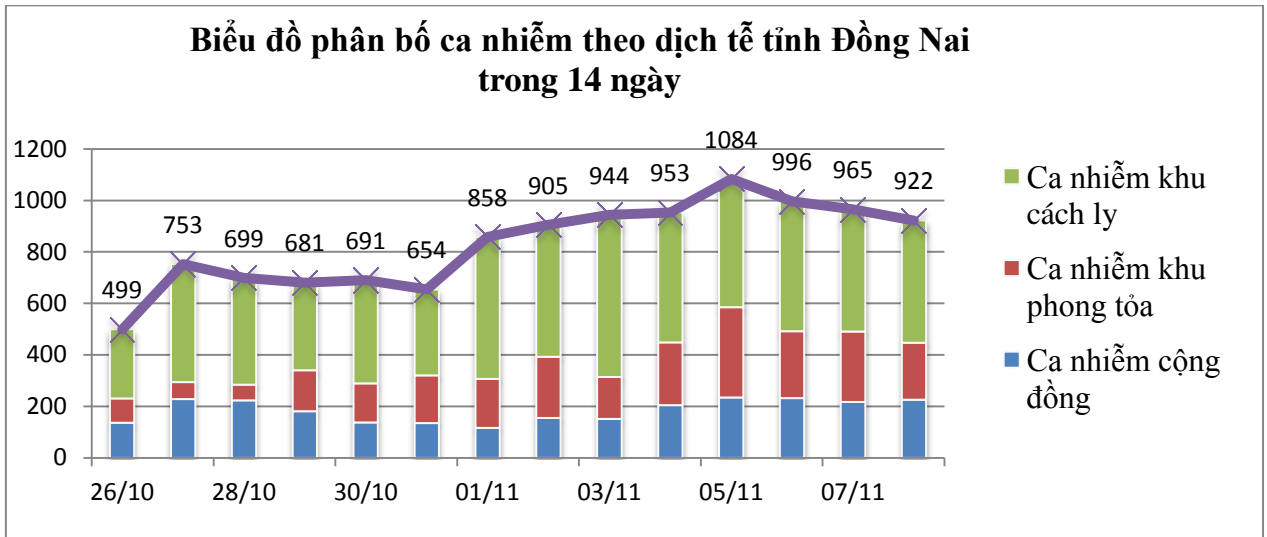
Số: 9401 /BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 9 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 08/11/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày								Số F1	Số F2	Lũy kế ca bệnh
		Tổng cộng	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong khu CLTT	Số ca trong khu phong tỏa	Sàng lọc cộng đồng						
						Tổng	Trong đó					
							Cộng đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp			
1	Biên Hòa	191	55	136	0	0	0	0	0	244	22	30.317
2	Nhon Trạch	125	18	107	0	0	0	0	0	0	0	16.890
3	Vĩnh Cửu	225	63	51	111	0	0	0	0	173	42	12.540
4	Trảng Bom	187	25	152	10	0	0	0	0	31	0	7.534
5	Long Thành	86	12	0	74	0	0	0	0	-	-	2.696
6	Thống Nhất	49	29	0	20	0	0	0	0	55	0	1.093
7	Định Quán	24	3	20	1	0	0	0	0	-	-	671
8	Long Khánh	11	6	0	5	0	0	0	0	19	7	536
9	Cẩm Mỹ	12	12	0	0	0	0	0	0	15	8	525
10	Xuân Lộc	11	3	8	0	0	0	0	0	-	-	510
11	Tân Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	385
12	Ngoại tỉnh, khác	1	0	1	0	0	0	0	0	-	-	381
Tổng số		922	226	475	221	0	0	0	0	537	79	74.078



- F0 cộng đồng: trong ngày phát sinh 226 ca (tăng 4,1%) so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày là 1.422 ca (tăng 22,7% so với 7 ngày trước đó). cụ thể như sau:

- **Biên Hòa:** ghi nhận 55 ca ngụ tại An Bình (02), Hiệp Hòa (02), Hóa An (04), Hố Nai (04), Long Bình (05), Long Bình Tân (01), Tam Hiệp (02), Tam Phước (03), Tân Biên (02), Tân Hạnh (01), Tân Hòa (03), Tân Phong (03), Tân Tiến (01), Trảng Dài (22)

- **Cẩm Mỹ:** ghi nhận 12 ca ngụ tại Lâm Sơn (02), Sông Ray (01), Thừa Đức (06), Xuân Bảo (01), Xuân Đường (02). Trong đó có 02 trường hợp làm tại công ty Elite-Long Thành, 01 trường hợp làm tại công ty thời trang G&G-Long Thành, 01 trường hợp làm ở công ty Uy Việt; 01 trường hợp về từ vùng dịch (TP. HCM), 06 trường hợp lây nhiễm thứ phát từ các ca F0 trước đó.

- **Định Quán:** ghi nhận 03 ca ngụ tại Phú Cường (02), Túc Trưng (01).

- **Long Khánh:** ghi nhận 06 ca ngụ tại Bảo Vinh (02), Bình Lộc (03), Xuân Lập (01).

- **Long Thành:** ghi nhận 12 ca ngụ tại An Phước (03), Bình Sơn (02), Cẩm Đường (03), Lộc An (02), TT Long Thành (02).

- **Nhơn Trạch:** ghi nhận 18 ca ngụ tại Hiệp Phước (05), Long Tân (01), Long Thọ (03), Phú Đông (02), Phú Hội (03), Phú Hữu (02), Phước An (01), Phước Khánh (01).

- **Thống Nhất:** ghi nhận 29 ca ngụ tại Bàu Hàm 2 (05), Dầu Giây (06), Gia Tân 3 (03), Hưng Lộc (05), Lộ 25 (06), Quang Trung (03), Xuân Thiện (01). Trong đó 23 ca ghi nhận tại các công ty như Pou Sung, Cibao, Longwell, 01 ca về từ Bà Rịa Vũng Tàu, 02 ca từ BVĐK Đồng Nai.

- **Trảng Bom:** ghi nhận 25 ca ngụ tại Bắc Sơn (07), Bình Minh (04), Đồi 61 (02), Đông Hòa (01), Giang Điền (02), Hố Nai 3 (06), Tây Hòa (03).

- **Vĩnh Cửu:** ghi nhận 63 ca ngụ tại Bình Lợi (11), Phú Lý (04), Tân An (14), Tân Bình (01), Thanh Phú (09), Thiện Tân (10), Vĩnh An (02), Vĩnh Tân (12). Trong đó 26 ca ghi nhận tại công ty Changshin, 09 ca ghi nhận tại các công ty như Header Plan, Việt Vinh, M&M, Phương Nam.

- **Xuân Lộc:** ghi nhận 03 ca ngụ tại Gia Ray (02), Xuân Bắc (01)

Nhận xét: Số ca nhiễm tại cộng đồng tăng 4,1% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 22,7% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng có

nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch, tạo thành nhiều ổ dịch lây nhiễm thứ phát rải rác trong cộng đồng. Trong ngày có 10/11 huyện/thành phố (trừ Nhơn Trạch) đều ghi nhận ca nhiễm trong cộng đồng, nhiều nhất tại Trảng Dài (22) – Biên Hòa; Bình Lợi (11), Tân An (14), Thạnh Phú (09), Thiện Tân (10), Vĩnh Tân (12) – Vĩnh Cửu.

Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly) /100.000 dân/tuần là 100 ca (Tổng dân số toàn tỉnh là 3.160.640 người theo báo cáo các huyện, thành phố).

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

Số lượng khu cách ly tập trung do các huyện, thành phố quản lý trên địa bàn tỉnh: 54 khu với 9.303 giường. Số lượng cơ sở cách ly đã giảm 65,8% do bàn giao lại các cơ sở giáo dục.

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	72	3.221	34.694	38.350
Cách ly tại nhà	330	21.874	66.805	88.679
Theo dõi sức khỏe	199	12.104	24.527	36.631

Trong đó :

- **F1** : Đang theo dõi: 3.221; Lũy kế: 25.411
- **F2**: Đang theo dõi: 6.598; Lũy kế: 36.260
- **Khác** (người về từ vùng dịch, nhập cảnh): Đang theo dõi: 419; Lũy kế: 12.513

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	922	12.752	693	60.763	08	595	29
Tỉ lệ		17,21%		81,99%		0,80%	0,23%

- Các ca đang điều trị: ECMO 01 ca (0,01%), thở máy xâm lấn 28 ca (0,22%), CPAP 3 ca (0,02%), HFNC 35 ca (0,27%), thở oxy 194 ca (1,52%), có triệu chứng trung bình 1.433 ca (11,24%), không triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ 11.058 ca (86,72%).

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	424	211	213
Tầng 2	9.481	4.625	4.856
Tầng 1	8.361	5.860	2.501

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương triển khai	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Lũy kế
1	Biên Hòa	50	399	459
2	Trảng Bom	51	704	783
	Tổng	101	1.103	1.242

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19

3.1. Tình hình tiêm chủng cho người trưởng thành từ 18 tuổi trở lên

STT	Địa phương	Số lượng tiêm trong ngày	Đã tiêm (Dữ liệu cập nhật trên hệ thống tiêm chủng MCC)			Tỉ lệ bao phủ (%)		Số vắc xin còn lại
			Mũi 1	Mũi 2	Tổng	Mũi 1	Mũi 2	
A	Tỉnh Đồng Nai	78.127	2.669.559	1.958.488	4.628.047	106,44%	78,09%	287.705
1	Biên Hòa	-	935.324	735.140	1.670.464	107,68%	84,63%	112.569
2	Long Khánh	43.368	135.866	107.246	243.112	111,53%	88,04%	2.767
3	Xuân Lộc	2.514	191.740	129.221	320.961	115,47%	77,82%	14.930
4	Tân Phú	7.577	112.480	37.490	149.970	83,74%	27,91%	16.633
5	Cẩm Mỹ	1.719	98.784	87.055	185.839	96,58%	85,12%	1.864
6	Trảng Bom	1.575	284.808	182.032	466.840	100,57%	64,28%	41.364
7	Định Quán	9.168	147.880	106.366	254.246	98,07%	70,54%	5.966
8	Vĩnh Cửu	2.128	143.024	112.117	255.141	118,06%	92,54%	6.931
5	Long Thành	10.078	230.267	164.884	395.151	120,52%	86,30%	43.955
10	Thống Nhất	-	119.761	92.121	211.882	91,91%	70,70%	6.436
11	Nhơn Trạch	-	269.625	204.816	474.441	113,06%	85,89%	34.290

***Ghi chú:** Tỉ lệ độ bao phủ được tính dựa trên số liệu dân cư do các huyện/thành phố thống kê thực tế. Hiện tính trên tổng số đối tượng từ 18 tuổi trở lên là 2.508.100 người.

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 106,44% ; Mũi 2: 78,09%.

- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 20 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 4.687.428 liều. Số vắc xin còn lại chưa sử dụng là 287.705 liều.

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A) Mục tiêu tháng 10 đạt từ 80% trở lên			Người từ 50 tuổi trở lên (B) Mục tiêu tháng 11 đạt từ 80% trở lên		
		Dân số	Số lượng	Tỷ lệ	Dân số	Số lượng	Tỷ lệ

		(A)	(A) tiêm đủ liều	%	(B)	(B) tiêm đủ liều	%
1	Biên Hòa	63.535	63.402	99,79	198.192	196.901	99,35
2	Long Khánh	13.089	13.051	99,71	37.675	34.122	90,57
3	Long Thành	23.332	21.689	92,96	59.005	55.081	93,35
4	Nhon Trạch	15.226	14.531	95,44	48.894	47.049	96,23
5	Thống Nhất	13.037	11.391	87,37	37.414	28.391	75,88
6	Trảng Bom	19.115	16.922	88,53	92.978	80.499	86,58
7	Vĩnh Cửu	9.484	8.090	85,30	32.466	28.350	87,32
8	Xuân Lộc	19.734	16.693	84,59	57.427	46.194	80,44
9	Cẩm Mỹ	10.044	9.295	92,54	34.375	31.227	90,84
10	Định Quán	13.434	12.410	92,38	35.412	31.939	90,19
11	Tân Phú	11.970	11.113	92,84	23.040	13.250	57,51
	Tổng	212.000	198.587	93,67	656.878	593.003	90,28

Lưu ý: Số liệu tiêm vắc xin cho người trên 50 tuổi được hiệu chỉnh theo báo cáo thực tế của các địa phương.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 93,67%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 90,28%.

3.2. Tình hình tiêm chủng cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

STT	Địa phương	Trẻ em (Từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi)						
		Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỷ lệ	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng	Số vắc xin còn lại
1	Biên Hòa	93.343	8	13.744	14,72%	0	0	18.150
2	Long Khánh	13.790	8	3.594	26,06%	0	0	
3	Long Thành	22.096	5	6.584	29,80%	1	0	
4	Nhon Trạch	23.393	3	4.625	19,77%	1	0	354
5	Thống Nhất	16.405	3	4.620	28,16%	0	0	
6	Trảng Bom	32.440	3	1.575	4,86%	0	0	
7	Vĩnh Cửu	15.893	3	3.042	19,14%	2	0	1.292
8	Xuân Lộc	24.646	0	0	0,00%	0	0	
9	Cẩm Mỹ	12.810	1	1.429	11,16%	0	0	
10	Định Quán	23.014	10	8.124	35,30%	0	0	7.080
11	Tân Phú	17.908	0	0	0,00%	0	0	0
	Tổng	295.738	44	47.337	16,01%	4	0	26.876

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 16,01%.

Các huyện Xuân Lộc, Tân Phú chưa triển khai tiêm.

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	1.345	123	1.471.784	6.318
RT-PCR mẫu đơn	4.230	2.206	1.872.278	184.954
RT-PCR mẫu gộp	343	74	335.252	23.705
Lượt người thực hiện PCR	5.908	2.206	3.544.737	184.954

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 50 mẫu tại Vĩnh Cửu (37), Định Quán (02), Cẩm Mỹ (11).

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 74 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 108 TYT lưu động. Trong đó:

+ TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (30), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (13), Thống Nhất (02), Tân Phú (03), Long Khánh (15).

+ TYT lưu động tại khu công nghiệp: Long Khánh (01).

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày, số ca nhiễm tại cộng đồng tăng 4,1% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 22,7% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch, tạo thành nhiều ổ dịch lây nhiễm thứ phát rải rác trong cộng đồng. Trong ngày có 10/11 huyện/thành phố (trừ Nhơn Trạch) đều ghi nhận ca nhiễm trong cộng đồng, nhiều nhất tại Trảng Dài (22) – Biên Hòa; Bình Lợi (11), Tân An (14), Thạnh Phú (09), Thiện Tân (10), Vĩnh Tân (12) – Vĩnh Cửu.

- Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly) /100.000 dân/tuần là 100 ca (Tổng dân số toàn tỉnh là 3.160.640 người theo báo cáo các huyện, thành phố).

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

Mũi 1: 106,44% ; Mũi 2: 78,09%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 93,67%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 90,28%.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 16,01%. Các huyện Xuân Lộc, Tân Phú chưa triển khai tiêm.
- Số vắc xin còn lại chưa sử dụng là 287.705 liều.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kì đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.
- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.
- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.
- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trong ngày

	Trong ngày	Lũy kế
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.203 đơn vị
2. Người lao động	7.366 người	1.057.456 người
3. Hộ kinh doanh	105 hộ	13.084 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.203 đơn vị
2. Người lao động	12.801 người	1.003.299 người
3. Hộ kinh doanh	132 hộ	12.550 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	393.236/415.760	638,08/695,06	94,58

2	Cẩm Mỹ	18.585/21.224	28,05/31,00	87,57
3	Định Quán	29.296/29.967	45,21/46,21	97,76
4	TP. Long Khánh	46.913/48.400	75,44/77,67	96,93
5	Long Thành	52.506/52.781	81,30/81,74	99,48
6	Nhơn Trạch	109.991/114.583	176,03/182,81	95,99
7	Tân Phú	32.625/43.166	49,22/65,03	75,58
8	Trảng Bom	143.298/153.950	239,00/249,85	93,08
9	Thống Nhất	26.496/26.496	39,94/39,94	100
10	Xuân Lộc	53.119/53.119	83,67/83,67	100
11	Vĩnh Cửu	74.338/74.342	211,41/211,42	99,99
	Tổng cộng	980.403/1.033.788	1.667,36/1.765,42	94,84

Lưu ý: bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp và Hộ kinh doanh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT

(Cập nhật đến ngày 04/11/2021 tại Báo cáo số 743/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố	Xã, phường
Cấp 1 (Bình thường mới)	02* (tăng 01)	74 (giảm 27)
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	08 (giảm 02)	74 (tăng 16)
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	01** (tăng 01)	22 (tăng 11)
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00

* TP Long Khánh, huyện Định Quán

** Huyện Vĩnh Cửu

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	> = 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận
								Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình	Nhẹ và Không triệu chứng					
												Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
1	BVĐN/ HSTC	40	40	4	0	0	43		204		6		15	22						28	
2	BVTN/TTHSTC	400	200	7	7	2	95	267	276	109	14	2	14	22	43	0	2	0	23	72	105
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	4	3	0	28	58	40	52	5	1	0	8	14	0		2	7	11	12
4	BVĐKKVLT	100	100	5	3	0	31	84	35	26	3	0	0	28	0	0	0	0	13	15	69
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Đồng Nai 2	10	14	1	0	0	14	113	0	587	3	0	0	11	0	0	0	0	6	13	0
Tổng cộng (tăng 3)		730	415	21	13	2	211	523	556	774	31	3	29	91	57	0	2	2	49	139	197
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	300	27	26	0	311	30	2	1784	0	0	0	1	62	248	0	52	9	16	0
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	11	0	1	301	103	0	2041	0	0	0	6	85	170	9	75	156	8	50

3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	0	0	1	470	85	0	3209	0	0	0	11	31	439	25	20	87	93	30
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	0	55	0	196	69	0	2355	0	0	0	3	4	189	0	72	9	9	149
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	2	0	0	207	47	0	1526	0	0	0	2	3	325	2	33	6	15	73
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	11	63	0	593	126	0	6283	0	0	0	8	75	510	13	63	5	26	417
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	15	30	0	345	159	1	5041	0	0	0	6	25	314	7	52	6	26	355
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	600	0	0	1	599	50	0	2784	0	0	0	11	39	588	6	65	11	39	1
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	12	52	1	318	31	0	2934	0	0	0	4	4	314	3	65	9	29	354
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	25	56	0	564	99	0	4155	0	0	0	12	33	519	6	117	12	23	243
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2950	14	55	0	240	11	0	654	0	0	0	4	112	128	0	27	3	7	
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	0	1	0	75	0	0	708	0	0	0	0	65	11	1	19	0	8	0
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	14	4	0	136	289	0	680	0	0	0	1	32	116	0	88	0	0	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	4	5	0	38	0	0	258	0	0	0	0	22	16	1	3	4	7	112
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	0	11	20	0	33	0	0	0	1	3	7	0	0	4	7	19
16	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0		5		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	102	4	14	1	102	113	0	587	3	0	0	11	36	52	5	10	30	91	0
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	7	26	1	53	279	1	364	1	0	0	1	6	45	0	0	1	9	3
19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	5	7	0	53	30	1	273	0	0	0	1	19	33	0	10	1	4	11
20	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200				13							11	2						
Tổng cộng (tầng 2)		10365	9443	151	394	6	4625	1541	10	35669	4	0	0	83	667	4026	78	771	353	417	1817
1	Biên Hòa	1914	1530	16	111	7	881	1363	13	10913	0	0	0	10	251	630	7	115	13	43	560
2	Long Khánh	400	310	11	19	1	93	71	0	148	0	0	0	0	2	91	0	34	2	2	
3	Vĩnh Cửu	1162	1163	38	84	1	884	1502	3	7485	0	0	0	0	75	809	10	151	89	23	146
4	Định Quán	100	89	2	13	0	56	83	0	159	0	0	0	0	0	56	0	16	0	4	33
5	Tân Phú	60	60	7	0	14	39	152	0	74	0	0	0	0	0	39	0	9	30	0	0
6	Trảng Bom	1528	1504	62	82	4	974	869	1	187	0	0	0	0	61	872	10	150	5	10	382
9	Cẩm Mỹ	500	200	16	0	0	212	18	0	111	0	0	0	0	0	212	1	46	0	18	0
10	Long Thành	500	500	80	77	2	874	67	0	1564	0	0	0	0	0	874	5	82	20	580	-374
11	Nhơn Trạch	4230	3000	111	349	0	1847	0	15	5856	0	0	0	10	320	1517	15	213	17	1617	1153
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		10394	8356	343	735	29	5860	4125	32	26497	0	0	0	20	709	5100	48	816	176	2297	2496
TỔNG TẦNG (3+2+1)		21489	18214	515	1142	37	10696	6189	598	62940	35	3	29	194	1433	9126	128	1589	578	2853	4510

Phụ lục 3: Tình hình Khu cách ly tập trung

TT	Địa phương	Các điểm cách ly tập trung đang hoạt động	Năng lực theo Quyết định (giường)	Năng lực thực tế (giường)	Trong ngày		Hiện có (người)	Tổng số hoàn thành cách ly	Còn trống (giường)	Trường hợp cách ly được 12 ngày	Trường hợp cách ly được 13 ngày	Trường hợp cách ly được 14 ngày
					Số mới vào cách ly	Số hoàn thành cách ly						
1	Biên Hòa	19	3.289	2.314	197	152	1.951	29.293	363	12	15	16
2	Long Khánh	1	150	150	0	8	0	312	150	0	0	0
3	Vĩnh Cửu	8	3.655	3.655	103	62	1.094	114.925	2.561	7	12	6
4	Định Quán	3	300	300	0	28	84	1.310	216	0	39	28
5	Tân Phú	2	200	200	0	1	49	438	151	0	0	0
6	Trảng Bom											
7	Thống Nhất	1	136	136	0	0	12	1.165	124	0	0	0
8	Xuân Lộc	1	300	300	16	12	163	1.500	137	13	13	67
9	Cẩm Mỹ	2	550	250	25	0	226	1.506	36	11	3	31
10	Long Thành	1	300	300	17	0	360	448	0	0	0	0
11	Nhơn Trạch	11	1.448	1.448	0	0	358	9.849	1.117	1	0	0
Tổng		49	10.328	9.053	358	263	4.297	160.746	4.855	44	82	148